

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Trần Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1996 (có mặt).

Cư trú tại: Tổ X, khu phố Y, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Hồng Vũ T, sinh năm 1990 (có mặt).

Cư trú tại: Khóm Z, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồng Thiện A, sinh năm 1956 (có mặt)

2. Bà Lâm Kim H, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Khóm 6, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày: Bà và ông Hồng Vũ T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại thị trấn C, huyện P tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Bà nhận thấy mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồng Vũ T. Trong quá trình chung sống bà và ông T có một người con chung tên Hồng Thiên K sinh ngày 08 tháng 8 năm 2017, hiện đang chung sống với ông bà nội là ông Hồng Thiện A và bà Lâm Kim H. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 25 tháng 4 năm 2019 và tại phiên tòa bị đơn ông Hồng Vũ T trình bày: Ông thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà N trình bày. Ông nghi ngờ bà N quan hệ bất chính với người khác nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Về con chung ông cho rằng con chung hiện nay đang ở chung với ông bà nội và ông có đầy đủ điều kiện để nuôi con chung nên ông không đồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 04 tháng 6 năm 2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồng Thiện A và bà Lâm Kim H trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa Hồng Vũ T và Trần Thị N do hai vợ chồng tự quyết định, ông A, bà H không có ý kiến. Về cháu Hồng Thiên K con của Hồng Vũ T và Trần Thị N hiện nay do ông A, bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Trước đây vợ chồng T, N đi làm ở Bình Dương có giao cháu K cho ông bà ngoại cháu nuôi dưỡng nhưng do điều kiện ông bà ngoại không tốt nên vợ chồng T, N gởi cháu K cho ông A, bà H nuôi dưỡng từ đầu năm 2019 đến nay. Hiện nay gia đình ông A, bà H có đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu K nên yêu cầu Tòa án giao cháu K cho Hồng Vũ T trực tiếp nuôi dưỡng để ông A, bà H có điều kiện chăm sóc cho cháu K.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N, cho bà Trần Thị N ly hôn với ông Hồng Vũ T, giao cháu Hồng Thiên K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Hồng Vũ T, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Lâm Kim H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai

nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Lâm Kim H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Hồng Vũ T tự nguyện chung sống với nhau và năm 2017, có đăng ký kết hôn tại thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà N yêu cầu ly hôn với ông T, tại phiên tòa ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N vì ông nghi ngờ bà N quan hệ bất chính với người khác. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N về việc yêu cầu ly hôn với ông Hồng Vũ T.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà N và ông T có với nhau 01 người con chung tên Hồng Thiên K, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2017, người con chung do ông Hồng Thiện Á, bà Lâm Kim H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi người con chung. Ông T không đồng ý giao người con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu được trực tiếp nuôi người con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng. Ông T cho rằng từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau đến nay bà N không trực tiếp nuôi người con chung mà con chung do ông Á, bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Xét thấy người con chung tên Hồng Thiên K, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2017 đến khi xét xử sơ thẩm dưới 36 tháng tuổi, bà N, ông T không thỏa thuận được ai là người trực tiếp nuôi con chung và bà N có đủ điều kiện để nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điều luật đã diện dẫn chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N về việc được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Hồng Thiên K. Cháu Hồng Thiên K đang do ông Hồng Thiện Á, bà Lâm Kim H đang nuôi dưỡng Hồng Thiên K nên buộc ông Á, bà H, ông T có nghĩa vụ giao cháu Hồng Thiện K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị N và ông Hồng Vũ T không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N phải chịu 300.000đ, bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Hồng Vũ T

- Về quyền nuôi con chung: Buộc ông Hồng Thiện A, bà Lâm Kim H và ông Hồng Vũ T giao cháu Hồng Thiên K, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2017 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019050 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Lâm Kim H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều